TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 30 Lý Thường K, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà **Chung Thị Lan P**, sinh năm 1987; địa chỉ: Phòng 1007- Chung cư 12T2, tổ 46, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Thanh N và bà Chung Thị Lan P *(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh N và bà*

Chung Thị Lan P nên giấy chứng nhận kết hôn số 65 do UBND phường M, quận S cấp ngày 17/5/2019 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N và bà Chung Thị Lan P thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông N và bà P xác định có 01 con chung Nguyễn Kỳ B, sinh ngày 13/6/2019. Ly hôn, ông N và bà P thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Kỳ B, sinh ngày 13/6/2019 cho bà P trực tiếp nuôi con. Ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2023, vào ngày 05 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông N và bà P xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng và án phí DS-ST (về cấp dưỡng nuôi con định kỳ): 150.000 đồng ông N tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006699 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông N đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh